

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Thiện;
2. Ông Mai Văn Tự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phụng Tú - Kiểm sát Viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1969 (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1968 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 13, ấp T, xã TM, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-11-2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn Bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà và Ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống vào năm 1987, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TM. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc. Đầu năm 2021, vợ chồng cãi vã, ông B bỏ nhà đi sống ở gần nhà bà.

Vợ chồng ly thân từ tháng 01-2021 đến nay. Quá trình ly thân vợ chồng có gặp nhau nhưng không bàn bạc việc đoàn tụ.

Vê hôn nhân: Bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn với ông B.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn B trình bày: Quá trình giải quyết tại Tòa, ông B thống nhất về mối quan hệ, thời gian kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và Bà C. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cãi vã, ông B bỏ nhà đi sống ở gần nhà Bà C.

Về hôn nhân: Bà C yêu cầu ly hôn, ông B cũng đồng ý vì đoàn tụ vợ chồng sống không hạnh phúc.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Thị Phương K, sinh năm: 1989 và con tên Nguyễn Phương B, sinh năm: 2004 đang sống với Bà C. Bà C yêu cầu nuôi con tên Bảo không yêu cầu cấp dưỡng. Ông B cho rằng, nguyện vọng con tên Bảo đồng ý sống với ai người đó nuôi. Riêng con tên K đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà C không yêu cầu gì thêm. Ông B bận việc nên xin vắng phiên hòa giải và xét xử, Tòa án xem xét xử theo quy định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:*

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án cũng như tại Tòa hôm nay nhưng bị đơn có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà C đối với ông B.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Phương B, sinh ngày 12-11-2004 cho Bà C nuôi dưỡng. Ghi nhận Bà C không yêu cầu cấp ông B dưỡng nuôi con.

Riêng con Nguyễn Thị Phương K, sinh ngày 01-01-1989 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu Tòa án cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng đối với bị đơn Ông Nguyễn Văn B theo đúng quy định pháp luật nhưng ông B có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của Bà C, xét lời trình bày của Bà C xác định bà và ông B tự nguyện chung sống vào năm 1987, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, Huyện D và được cấp

giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07-11-1987 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về hôn nhân: Quá trình giải quyết và tại Tòa hôm nay, Bà C giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông B. Xét thấy: Bà C và ông B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1987. Quá trình chung sống, Bà C nhận thấy ông B không quan tâm gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc.

Quá trình làm việc, ông B cũng xác định vợ chồng sống không có tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Bà C yêu cầu ly hôn, ông cũng đồng ý ly hôn. Do ông B bận đi làm không đến Tòa án tham gia hòa giải, xét xử nên ông yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc khác, ông B cũng đồng ý ly hôn với Bà C, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà C là có căn cứ.

[4] Về con chung: Bà C yêu cầu nuôi tên Nguyễn Phương B, sinh năm: 2004. Quá trình ly thân, cháu B sống chung với Bà C, cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Mặc khác, quá trình làm việc với cháu B, nguyện vọng cháu B cũng mong muốn sống với Bà C. Tại khoản 2 Điều Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “.....nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Do đó, cần giao cháu B cho Bà C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật.

[5] Quá trình giải quyết, Bà C không yêu cầu cấp dưỡng; Bà C ông B không yêu cầu giải quyết về con tên Nguyễn Thị Phương K vì đã trưởng thành; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên ghi nhận.

[6] Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà C đối với ông B, xét đề nghị của Viện kiểm sát có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, khoản 3 Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa Bà Nguyễn Thị C và Ông Nguyễn Văn B.

Bà C và ông B không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Về con chung: Giao Bà C tiếp tục nuôi dưỡng con tên Nguyễn Phương B, sinh năm: 2004.

Ghi nhận: Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở ông B thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà Bà C đã nộp theo biên lai thu số 0011853 ngày 17-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; Bà C đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bà C có mặt tại Toà được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông B vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- Chi cục THADS Huyện D;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đào Thị Hiền